

Số: /2026/QĐ-CTUBND

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH14 và Luật số 90/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số .../TTr-STC ngày ... tháng ... năm 2026;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An.

2. Các quy định khác về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An gồm: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế quản lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và nội dung quy định tại Quyết định này thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý tài sản đúng quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, người đứng đầu doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Võ Trọng Hải

Phụ lục I
DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-CTUBND ngày / /2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	Danh mục
I	Tài sản cổ định đặc thù trong lĩnh vực văn hóa vật thể
	- Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia đặc biệt
	- Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia
	- Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh
	- Di tích lịch sử được xếp hạng khác
II	Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, nhà trưng bày, khu lưu niệm, khu di tích
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng vàng
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng bạc, đồng, kim loại quý
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng kim loại khác
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng gốm, sành, sứ
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng đất, đá, mã não
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng phim, ảnh
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng nhựa
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng thủy tinh
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng xương, sừng, ngà
	- Nhóm cổ vật, hiện vật, tư liệu bằng giấy
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng vải
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng da
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng gỗ, mây, tre, nứa...
	- Các tiêu bản mẫu động vật, thực vật
	- Nhóm cổ vật, hiện vật bằng chất liệu khác
III	Bảo vật quốc gia
1	- Dao găm chuôi hình rắn ngậm chân voi
2	- Hộp đựng xá lị Tháp Nhạn
3	- Muôi có cán hình tượng voi
4	- Bảo vật quốc gia khác
IV	Quyền tác giả và quyền liên quan đến tác giả
1	- Quyền tác phẩm âm nhạc

STT	Danh mục
2	- Quyền tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học
3	- Quyền tác giả cuộc biểu diễn
4	- Quyền tác giả bản ghi âm, ghi hình
5	- Quyền tác giả khác
V	Quyền sở hữu công nghiệp
1	- Bằng độc quyền sáng chế
2	- Giải pháp hữu ích
3	- Kiểu dáng công nghiệp
4	- Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn
5	- Nhãn hiệu hàng hóa
6	- Chỉ dẫn địa lý
7	- Quyền sở hữu công nghiệp khác
VI	Quyền đối với giống cây trồng
1	- Giống cây thân gỗ và cây leo thân gỗ
2	- Giống cây trồng khác
VII	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập
VIII	Tài sản cố định đặc thù khác

Phụ lục II
DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ
HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-CTUBND ngày / /2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
I	Sản phẩm phần mềm		
	- Nhóm phần mềm hệ thống	5	20
	- Nhóm phần mềm ứng dụng	5	20
	- Nhóm phần mềm công cụ	5	20
	- Nhóm phần mềm tiện ích	5	20
	- Các phần mềm khác	5	20
II	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)	5	20

